



(Theo mẫu tại Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11
năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
VÀ PHÁT TRIỂN XANH
NĂM 2021**



Hải Phòng, tháng 03 năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201768923
- Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 121.200.000.000 đồng
- Địa chỉ: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.2838666 – Số fax: 0225.2838689
- Website: www.greenicd.com.vn
- Mã cổ phiếu: GIC
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập ngày 24/01/2017 với vốn điều lệ 101.000.000.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Container Việt Nam góp vốn 67.000.000.000 đồng, tương đương với 66,3% vốn điều lệ, còn lại là một số cổ đông cá nhân.

Công ty được hình thành và phát triển với sự kế thừa về nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm và mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm từ công ty TNHH MTV Bến Xanh (công ty 100% vốn của CTCP Container Việt Nam - Viconship) với lĩnh vực cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container... Với khách hàng hàng tàu truyền thống và đội ngũ CBNV với kinh nghiệm quản lý, khai thác kho bãi lâu năm, ngay khi dự án xây dựng bãi container của công ty hoàn thành từng phần hạng mục và đi vào hoạt động từ tháng 7/2017, công ty đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ cho khách hàng truyền thống, liên tục tăng trưởng doanh thu và có lợi nhuận ngày từ năm tài chính đầu tiên. Công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại Việt Nam và khu vực...

Năm 2018, để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 121.200.000.000 đồng

Ngày 06/04/2020 Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2268/UBCK-GSĐC về việc đăng ký đại chúng của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Ngày 26/06/2020 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 12.120.000 cổ phần.

Ngày 22/10/2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định Niêm yết số 577/QĐ-SGDHN cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 06/11/2020 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán GIC.

- Các sự kiện khác:

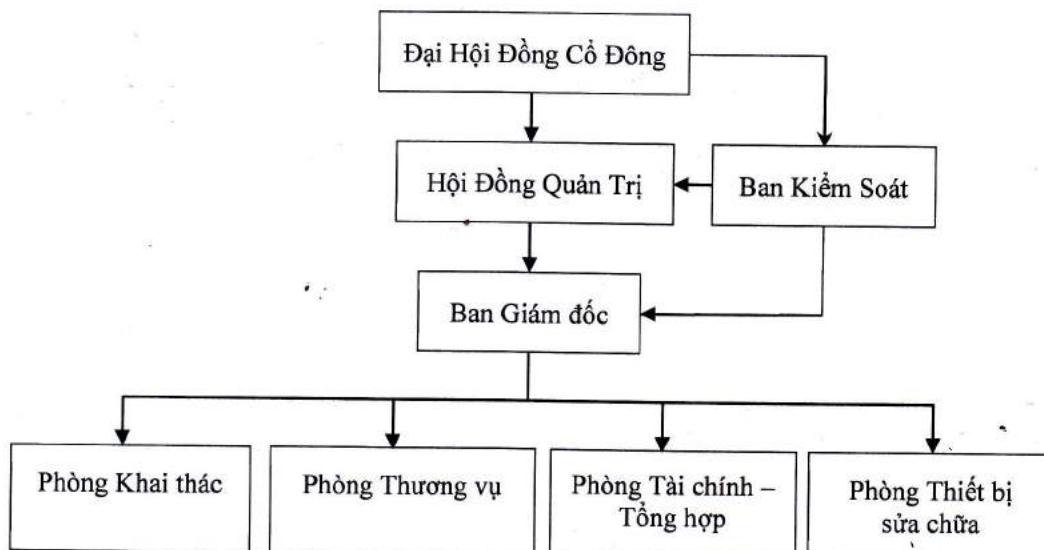
Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi bổ sung lần thứ 03 vào ngày 01 tháng 12 năm 2020 với mã số doanh nghiệp: 0201768923.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác bãi
 - + Sửa chữa container
- Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chính tại Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.



4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty Công ty đảm bảo rằng vẫn đề trách

nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng luôn song hành và gắn liền với hệ thống quản lý, văn hóa của Công ty.

5. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu. Thị trường vận tải biển không ổn định, các hãng tàu lớn kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu đạt 162,658 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 26,106 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 2.019 đồng.

Hoạt động khai thác bãi vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ
Doanh thu	162,658	145	112,18	162,658	189,068	86,03
Lợi nhuận trước thuế	26,106	19	137,4	26,106	42,528	61,39

Doanh thu đạt 162,658 tỷ đồng, tăng 12,18% so với kế hoạch năm 2021 ĐHĐCĐ giao và bằng 86,03% so với thực hiện năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế đạt 26,106 tỷ đồng, tăng 37,4 % so với kế hoạch năm 2021 ĐHĐCĐ giao và bằng 61,39% so với thực hiện năm 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	0,12% Vốn điều lệ
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Kế toán trưởng	0,16% Vốn điều lệ

Tóm tắt lý lịch:

Ông Đồng Trung Hải – Giám đốc

Ngày sinh: 28/12/1977

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030962452

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Vũ Đoài, Vũ Thư, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 12 Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh.

Bà Nguyễn Thị Minh Lan – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 01/07/1975

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CCCD: 031175008609

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 71 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh.

– Những thay đổi trong Ban điều hành:

Năm 2021, ông Trần Ngọc Toàn đã thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh do nghỉ hưu từ ngày 01/11/2021.

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty là: 145 người.

Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tổng đầu tư năm 2021 là 272,7 triệu đồng (mua máy chủ và máy vi tính)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	281.991.696.967	250.767.172.909	112,45
Doanh thu thuần	189.068.911.223	162.658.231.245	116,24
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.105.613.161	25.978.295.183	162,08
Lợi nhuận khác	422.804.327	128.038.780	330,22
Lợi nhuận trước thuế	42.528.417.488	26.106.333.963	162,90
Lợi nhuận sau thuế	42.528.417.488	24.474.605.015	173,77
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.303	2.019	163,60

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,03	1,97	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>	43.149.790.456	37.790.657.110	

<i>Nợ ngắn hạn</i>	42.125.236.304	19.226.403.529	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	0,18	0,08	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,23	0,08	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<i>Giá vốn hàng bán</i>	110.872.724.904	108.236.820.839	
<i>Hàng tồn kho bình quân</i>	261.516.000	149.017.000	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0,67	0,65	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	4,45	0,15	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,18	0,11	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,15	0,10	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,22	0,16	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 12.120.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 12.120.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 12.120.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Tổ chức	66,34	8.040.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	0	0
	Tổ chức Việt Nam	66,34	8.040.000
	Cá nhân	33,66	4.080.000
	<i>Trong đó:</i>		
2	Cá nhân nước ngoài	2,79	339.000
	Cá nhân Việt Nam	30,87	3.741.000
	Trong nước	97,20	11.781.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	66,34	8.040.000
	Cá nhân trong nước	30,86	3.741.000

	Nước ngoài	2,80	339.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	0	0
	Cá nhân nước ngoài	2,80	339.000
	Phân loại khác		
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	66,34	8.040.000
	Cổ đông Nhà nước	0	0
	Cổ phiếu quỹ	0	0

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu

e. Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Ngành nghề chính của Công ty là khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải, nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỡ phụ và các vật tư phụ tùng khác. Nguyên vật liệu năm 2021 là: 33.655.929.171 tỷ đồng.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương: rất ít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, container. Lượng nước sử dụng năm 2021 tương đương: rất ít

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 145 người. Thu nhập bình quân: 20,054 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện tốt việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty luôn tích cực, chi nhiều tỷ đồng trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, ủng hộ đồng bào bão lụt, ủng hộ chống dịch bệnh Covid-19.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Các mảng dịch vụ chính của Công ty có khó khăn. Kinh doanh khai thác cảng/ kho/ bãi/ vận tải container đường bộ cung vượt cầu quá lớn... song Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ - nhịp nhàng cả về công tác làm thị trường trong điều kiện "bình thường mới". Nhìn chung tổng quan kết quả đạt được năm 2021 là sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo; tập thể người lao động vì một mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững của Công ty.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước, Pháp luật về tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu/chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ.

Công tác làm thị trường được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thích ứng kịp thời trong năm đại dịch COVID-19. Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được nâng tầm thêm bên cạnh việc “giữ vững khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty” đó là “mang thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho Khách hàng – VAS”. Mở rộng tiếp thị sâu rộng đến đối tượng Khách hàng của các Khách hàng. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0. Đây là điểm mới về tiếp thị và làm thị trường của Ban lãnh đạo Công ty trong đại dịch COVID19. Công ty tiếp tục kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

Người lao động được đảm bảo việc làm; thu nhập ổn định. Công tác an sinh xã hội; trách nhiệm với cộng đồng được thực hiện tốt.

Doanh thu đạt 162,658 tỷ đồng, vượt 11,21% so với kế hoạch năm 2021 ĐHĐCĐ giao và bằng 86,03% so với thực hiện năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế đạt 26,1 tỷ đồng, vượt 13,68 % so với kế hoạch năm 2021 ĐHĐCĐ giao và bằng 61,9% so với thực hiện năm 2020.

– **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

Năm 2021, Công ty tiếp tục giữ vững được quá trình tăng trưởng và phát triển.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 281.991.696.967 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 43.411.306.456 đồng và tài sản dài hạn là 238.580.390.511 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 250.767.172.909 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 37.939.674.110 đồng và tài sản dài hạn là 212.827.498.799 đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng phương tiện xếp dỡ. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh. Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 51.821.532.602 đồng, cuối kỳ là: 19.226.403.529 đồng. Trong đó, khoản vay dài hạn đầu kỳ là: 9.696.296.298 đồng, cuối kỳ là: 0 tỷ đồng.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của CBCNV, tăng năng suất lao động.

Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng phần mềm “E-Depot”.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định.

Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới” thông qua việc cung cấp hàng hóa cung cấp các giải pháp “Gói dịch vụ” song song với việc cung cấp thêm “Dịch vụ giá trị gia tăng”.

Kết nối với các đơn vị trong cùng Tập đoàn sâu rộng hơn nữa và không chỉ giới hạn trong phạm vi Công ty.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trườn nhằm tăng năng xuất, chất lượng dịch vụ hơn nữa.

Rà soát nhân sự, tiền lương, quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.

Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triệt để tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 10% và có tích luỹ để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển bền vững Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thường minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định. Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Tình hình kinh tế thế giới: Kinh tế thế giới bước sang năm 2021 với cú sốc do Covid-19 gây ra đã khiến thế giới rơi vào cuộc suy thoái tồi tệ nhất kể từ Đại suy thoái 1930, với mức suy



giảm của tổng sản phẩm trong nước (GDP) toàn cầu trong năm 2020 là 3,1%, theo số liệu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Nhờ một loạt vaccine ngừa Covid-19 được phê chuẩn và triển khai trên toàn cầu, các nền kinh tế đã mở cửa trở lại và hồi phục. Tuy vậy với mỗi lần có biến chủng mới xuất hiện, triển vọng kinh tế thế giới lại bị che mờ. Trong báo cáo hồi đầu tháng 12/2021, tổ chức đánh giá tín nhiệm Fitch Ratings hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu còn 5,7%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với lần dự báo hồi tháng 10. Triển vọng của năm 2022 cũng hạ về 4,2% từ 4,4%.

Tình trạng phục hồi không đều của kinh tế toàn cầu năm nay được ghi nhận giữa các khu vực khác nhau, giữa các nền kinh tế có mức thu nhập khác nhau, và cả giữa các quốc gia cùng trình độ phát triển. Báo cáo mỗi năm hai lần Triển vọng Kinh tế toàn cầu mà Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra hồi tháng 6 dự báo kinh tế toàn cầu có thể tăng trưởng 5,6% trong năm 2021, mức tăng hậu suy thoái mạnh nhất trong 80 năm. Tuy nhiên, các nền kinh tế thu nhập thấp có thể chỉ tăng trưởng 2,9%, mức tăng chậm nhất 20 năm của nhóm này.

- VIỆT NAM: Tăng trưởng kinh tế vững chắc trong nửa đầu năm 2021, nhưng đợt bùng phát dịch COVID-19 bắt đầu từ tháng 4 đã làm trễ trệ quá trình phục hồi và dẫn đến những thiệt hại lớn về người và kinh tế. Đợt bùng phát dịch bắt đầu từ tháng 04/2021 và lây lan ra nhiều tỉnh thành phía Nam và các trung tâm kinh tế lớn - như thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội - đã dẫn đến các biện pháp hạn chế đi lại và dịch tễ ngày càng nghiêm ngặt được ban hành từ tháng 05 đến tháng 08/2021. Đến đầu tháng 10, nhiều tỉnh thành - gồm Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh - bắt đầu nới lỏng các biện pháp hạn chế đi lại. Hoạt động kinh tế được khôi phục nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn do thiếu hụt đầu vào và lao động tại các tỉnh thành phía Nam. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, sự bùng phát toàn cầu của dịch bệnh Covid-19, sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cùng ngành nghề, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất đáng tự hào, Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty phát triển mảng hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác bắc cốt lõi, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.

Lựa chọn các hạng mục, dự án đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số thứ tự	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Dương Tiến Dũng	Chủ tịch	0	Thành viên HĐQT	1
2	Nguyễn Thế Trọng	Ủy viên	0	Thành viên HĐQT	1
3	Đồng Trung Hải	Ủy viên	0,12%	Thành viên HĐQT	0
4	Nguyễn Kim Dương Khôi	Ủy viên	0	Thành viên HĐQT	1
5	Nguyễn Ngọc Thắng	Ủy viên	0	Thành viên HĐQT	0

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Bà Phạm Thị Thúy Nga là thư ký HĐQT kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ, bất thường để tổng kết đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh; chỉ đạo, định hướng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn kế tiếp.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tình hình kinh tế thế giới năm 2021 vẫn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, ngành vận tải biển vẫn gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid-19 bùng phát, áp lực cạnh tranh giữa các cảng, kho bãi, vận tải ngày càng gay gắt, quyết liệt. Đánh giá đúng tình hình, HĐQT cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty đã đoàn kết, tập trung trí tuệ, đề ra những chủ trương chính sách sát với thực tiễn, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2021.

HĐQT Công ty tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ trực tiếp hoặc bằng hình thức qua thư điện tử để đề ra các quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ định hướng của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Năm 2021 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng như sau:

Số thứ tự	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	17/02/2021	1/ Thông qua kết quả SXKD năm 2020 theo báo cáo trước kiểm toán cụ thể: - Doanh thu: 189,07 tỷ đồng - Lợi nhuận: 42,10 tỷ đồng 2/ Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

			(ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 như sau: - Tỷ lệ thực hiện: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết - Thời gian tổ chức: 17/04/2021 - Địa điểm tổ chức: thông báo sau - Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021: 16/03/2021 - Nội dung thông qua của đại hội: Các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thường niên.
2	02/2021/NQ-HĐQT	23/03/2021	1/ Thông qua nội dung các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. 2/ Thông qua tái bổ nhiệm ông Đồng Trung Hải giữ chức vụ Giám đốc Công ty. Thời hạn bổ nhiệm 03 năm kể từ ngày 01/04/2021 3/ Thông qua tái bổ nhiệm ông Trần Ngọc Toàn giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/04/2021 đến 31/10/2021
3	01/2021/QĐ-HĐQT	23/03/2021	Tái bổ nhiệm ông Đồng Trung Hải giữ chức danh Giám đốc công ty. Thời hạn bổ nhiệm 03 năm kể từ ngày 01/04/2021.
4	02/2021/QĐ-HĐQT	23/03/2021	Tái bổ nhiệm ông Trần Ngọc Toàn giữ chức danh Phó Giám đốc công ty. Thời hạn bổ nhiệm từ 01/04/2021 đến 31/10/2021
5	03/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	1/ Thông qua các báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021. 2/ Thông qua nội dung các Tờ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên 2021. 3/ Thông qua việc giới thiệu đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2024.
6	03/2021/QĐ-HĐQT	17/04/2021	Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
7	04/2021/QĐ-HĐQT	17/04/2021	Ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty.
8	04/2021/NQ-HĐQT	26/04/2021	Thông qua tái bổ nhiệm ông Đồng Trung Hải giữ chức vụ Giám đốc công ty; bà Nguyễn Thị Minh Lan giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty kể từ ngày 26/04/2021 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT (2021-2024).

			1/ Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền cho cổ đông như sau: - Tỷ lệ: 12%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.200 đồng) - Ngày giao dịch không hưởng quyền: 13/05/2021 - Ngày đăng ký cuối cùng: 14/05/2021 - Thời gian thực hiện: 27/05/2021 - Địa điểm thực hiện: Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng tiền tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng tiền tại trụ sở Công ty vào các ngày làm việc trong tuần bắt đầu từ 27/05/2021. Giao cho Giám đốc công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết thực hiện việc chi trả cổ tức theo đúng quy định hiện hành. 2/ Thông qua trả nợ trước hạn Công ty cổ phần Container Việt Nam từ nguồn quỹ đầu tư phát triển.
9	05/2021/NQ-HĐQT	28/04/2021	Miễn nhiệm chức danh thư ký công ty đối với bà Nguyễn Thị Vân An kể từ ngày 03/05/2021.
10	05/2021/QĐ-HĐQT	03/05/2021	Bổ nhiệm chức danh người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty đối với bà Phạm Thị Thúy Nga kể từ ngày 03/05/2021 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT (2021-2024)
11	06/2021/QĐ-HĐQT	03/05/2021	1/ Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021. 2/ Giao cho Giám đốc công ty tiến hành các thủ tục cần thiết để ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành.
12	06/2021/NQ-HĐQT	11/06/2021	1/ Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ và phát triển xanh, cụ thể như sau: - Doanh thu: 84,371 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế: 17,596 tỷ đồng
13	07/2021/NQ-HĐQT	18/08/2021	

			<p>2/ Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2021 bằng tiền mặt cho cổ đông cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thực hiện: 05% mệnh giá cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 500 đồng) - Thời gian thực hiện: dự kiến trong tháng 09/2021. <p>Giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết, thực hiện việc tạm ứng cổ tức theo đúng các quy định hiện hành.</p> <p>3/ Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2021 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu: 77 tỷ đồng - Lợi nhuận trước thuế: 9,5 tỷ đồng
14	08/2021/NQ-HĐQT	21/09/2021	<p>1/ Thông qua việc tiếp nhận Đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên HDDQT của ông Trần Tiến Dũng kể từ ngày 08/09/2021</p> <p>2/ Thông qua phương án tổ chức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản như sau:</p> <p>a.,Lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phần phổ thông – 01 quyền biểu quyết. - Ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 18/10/2021 <p>b.,Ngày gửi tài liệu và lấy ý kiến cổ đông (dự kiến): ngày 26 tháng 10 năm 2021</p> <p>c.,Ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến (dự kiến): ngày 16 tháng 11 năm 2021</p> <p>d.,Địa điểm thực hiện: Phiếu lấy ý kiến gửi lại Công ty được tiếp nhận và kiểm phiếu tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh - Lô CC2, khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng.</p> <p>e.,Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh có tên trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản chốt ngày 18/10/2021 có quyền biểu quyết hoặc ủy quyền cho người khác biểu quyết.</p>

			<p>d, Thông qua các vấn đề cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản như sau:</p> <p><i>Vấn đề 1:</i> Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2024 đối với ông Trần Tiến Dũng theo đơn từ nhiệm kể từ ngày 08/09/2021.</p> <p><i>Vấn đề 2:</i> Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2024 theo danh sách ứng viên được đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị.</p> <p>Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và phương thức bầu cử: Theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan, cụ thể tại <i>Quy chế đề cử- ứng cử- bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2024</i>.</p> <p><i>Vấn đề 3:</i> Thông qua <i>Quy chế đề cử- ứng cử- bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</i> và tổ chức kiêm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>
15	08/2021/QĐ-HĐQT	13/11/2021	<p>1/ Quyết định về việc thành lập ban kiêm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ông Đồng Trung Hải 2. Ông Nguyễn Kim Dương Khôi 3. Bà Nguyễn Thị Minh Lan 4. Bà Nguyễn Thị Vân An 5. Bà Phạm Thị Thúy Nga <p>2/ Chức năng, nhiệm vụ của ban:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính hợp lệ của phiếu bầu, kiểm tra kết quả bầu cử một cách khách quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả bầu cử. - Tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu. - Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Thư ký HĐQT. - Cùng Chủ tọa đại hội giải quyết các khiếu nại (nếu có) liên quan đến bầu cử để báo cáo ĐHQCD quyết định. - Trưởng ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện bầu thành viên

			HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
16	09/2021/NQ-HĐQT	19/11/2021	<p>1/ Miễn nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Thế Trọng theo đơn từ nhiệm ngày 15/11/2021.</p> <p>2/ Thông qua việc bầu ông Dương Tiến Dũng – thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ chủ tịch HĐQT.</p>

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiêu ban trong Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban	0
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	0
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Ủy viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban Kiểm soát Công ty họp 2 lần trong năm với các nội dung chính:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

- Thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

- Tham dự một số phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

- Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Trong năm 2021 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2021, thành viên HĐQT và BKS Công ty không nhận tiền thù lao.

Tiền lương, thưởng Ban giám đốc đã chi trong năm 2021 là: 1.480.300.063 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ; không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành. Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do một đơn vị kiểm toán khác kiểm toán và báo cáo của họ đề ngày 27 tháng 3 năm 2021 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

Trần Hồng Kiên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2018-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2912

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2022

Trương Minh Hòa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5067-2019-006-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN			
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.198.674.680	29.435.556.707
111	Tiền		3.198.674.680	8.435.556.707
112	Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	21.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		4.277.681.806	13.127.327.100
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.173.747.642	11.516.140.880
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		413.720.000	880.930.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	690.214.164	730.256.220
140	Hàng tồn kho		149.017.000	261.516.000
141	Hàng tồn kho		149.017.000	261.516.000
150	Tài sản ngắn hạn khác		314.300.624	586.906.649
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	6(a)	314.300.624	586.906.649
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		212.827.498.799	238.580.390.511
220	Tài sản cố định		92.088.019.453	114.165.518.014
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	92.058.991.678	114.098.444.858
222	Nguyên giá		172.637.182.643	172.364.482.643
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(80.578.190.965)	(58.266.037.785)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	29.027.775	67.073.156
228	Nguyên giá		1.121.382.459	1.121.382.459
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.092.354.684)	(1.054.309.303)
260	Tài sản dài hạn khác		120.739.479.346	124.414.872.497
261	Chi phí trả trước dài hạn	6(b)	120.739.479.346	124.414.872.497
270	TỔNG TÀI SẢN		250.767.172.909	281.991.696.967

HỘ KHẨU

NGUỒN VỐN

300	NỢ PHẢI TRẢ		19.226.403.529	51.821.532.602
310	Nợ ngắn hạn		19.226.403.529	42.125.236.304
311	Phải trả người bán ngắn hạn	8	9.333.556.277	12.966.977.836
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		146.850.000	3.168.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1.109.758.885	2.138.919.318
314	Phải trả người lao động	10	6.421.573.589	14.377.130.818
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	11	700.664.500	4.965.244.698
319	Phải trả ngắn hạn khác		318.326.278	284.649.894
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12(a)	-	5.540.740.740
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	1.195.674.000	1.848.405.000
330	Nợ dài hạn			9.696.296.298
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12(b)	-	9.696.296.298
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		231.540.769.380	230.170.164.365
410	Vốn chủ sở hữu		231.540.769.380	230.170.164.365
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14,15	121.200.000.000	121.200.000.000
411a	- Cổ phiếu thông có quyền biểu quyết		121.200.000.000	121.200.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	15	91.926.164.365	66.441.746.877
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	15	18.414.605.015	42.528.417.488
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		18.414.605.015	42.528.417.488
440	TỔNG NGUỒN VỐN		250.767.172.909	281.991.696.967

- O - N - F - J - A -



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.658.231.245	189.068.911.223
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17 162.658.231.245	189.068.911.223
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	18 (108.236.820.839)	(110.872.724.904)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	54.421.410.406	78.196.186.319
21	Doanh thu hoạt động tài chính	619.681.623	738.843.282
22	Chi phí tài chính	(161.599.321)	(5.189.081.617)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(161.599.321)	(5.189.081.617)
25	Chi phí bán hàng	19 (25.065.859.528)	(23.507.879.301)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20 (3.835.337.997)	(8.132.455.522)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.978.295.183	42.105.613.161
31	Thu nhập khác	128.038.780	422.804.327
40	Lợi nhuận khác	128.038.780	422.804.327
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.106.333.963	42.528.417.488
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	21 (1.631.728.948)	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.474.605.015	42.528.417.488
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16 2.019	3.303
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16 2.019	3.303

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG KINH DOANH			
01 Lợi nhuận kế toán trước thuế		26.106.333.963	42.528.417.488
Điều chỉnh cho các khoản:			
02 Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		22.350.198.561	29.572.815.508
05 Lãi từ hoạt động đầu tư		(619.681.623)	(1.147.924.911)
06 Chi phí lãi vay		161.599.321	5.189.081.617
08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		47.998.450.222	76.142.389.702
09 Giảm các khoản phải thu		8.849.645.294	11.985.615.885
10 Giảm hàng tồn kho		112.499.000	6.426.000
11 (Giảm)/tăng các khoản phải trả		(16.478.823.807)	3.790.177.593
12 Giảm chi phí trả trước		3.867.999.176	263.198.674
14 Tiền lãi vay đã trả		(663.223.566)	(5.998.057.284)
15 Thuế TNDN đã nộp		(1.375.961.931)	-
17 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.152.731.000)	(2.124.675.000)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		39.157.853.388	84.065.075.570
LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG ĐẦU TƯ			
21 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(272.700.000)	(9.307.772.850)
22 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		80.000.000	18.700.000.000
27 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		619.681.623	738.843.282
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		426.981.623	10.131.070.432
LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG TÀI CHÍNH			
34 Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.237.037.038)	(81.204.453.362)
36 Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.584.680.000)	(12.120.000.000)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(35.821.717.038)	(93.324.453.362)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.763.117.973	871.692.640
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	29.435.556.707	28.563.864.067
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	33.198.674.680	29.435.556.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất (lần 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là GIC.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 150 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 148 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính

ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi theo quy định của doanh nghiệp và các quy định hiện hành sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân giá quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.8 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư, phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

(b) **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán và được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi cho nhân viên Công ty.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) **Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

2.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng các phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi

trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	380.595.893	462.252.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.818.078.787	7.973.303.957
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	21.000.000.000
	<hr/> <hr/> 33.198.674.680	<hr/> <hr/> 29.435.556.707

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,2% - 3,75%/năm (2020: lãi suất 3,2%/năm).

4 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	642.299.018	650.094.270
Trong đó:		
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	206.176.000	
- Công ty Cổ phần Logistics New Way	181.335.000	
- Chi nhánh Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Vietnam) tại Hải Phòng	78.687.558	202.114.646
- Các khách hàng khác	176.100.460	447.979.624
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	2.531.448.624	10.866.046.610
	<hr/> <hr/> 3.173.747.642	<hr/> <hr/> 11.516.140.880

5 PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Tạm ứng cho nhân viên	<hr/> <hr/> 690.214.164	<hr/> <hr/> 730.256.220



6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí bảo hiểm	232.184.135	528.346.660
Khác	<u>82.116.489</u>	<u>58.559.989</u>
	<u><u>314.300.624</u></u>	<u><u>586.906.649</u></u>

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuê đất (*)	120.520.558.150	123.915.503.450
Công cụ, dụng cụ	<u>218.921.196</u>	<u>499.369.047</u>
	<u><u>120.739.479.346</u></u>	<u><u>124.414.872.497</u></u>

(*) Chi phí trả trước dài hạn là khoản thanh toán tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương Định Vũ cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP đà ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	124.414.872.497	128.149.499.741
Tăng trong năm	157.092.727	588.049.453
Thanh lý, nhượng bán	(80.000.000)	
Phân bổ trong năm	<u>(3.752.485.878)</u>	<u>(4.322.676.697)</u>
Số dư cuối năm	<u><u>120.739.479.346</u></u>	<u><u>124.414.872.497</u></u>



7 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	83.050.294.941	3.074.154.669 272.700.000	85.044.676.063	1.195.356.970	172.364.482.643 272.700.000
Mua trong năm					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	83.050.294.941	3.346.854.669	85.044.676.063	1.195.356.970	172.637.182.643
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(31.046.074.592) (9.356.731.428)	(1.899.544.936) (631.210.238)	(24.473.740.432) (12.096.142.212)	(846.677.825) (228.069.302)	(58.266.037.785) (22.312.153.180)
Khấu hao trong năm					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(40.402.806.020)	(2.530.755.174)	(36.569.882.644)	(1.074.747.127)	(80.578.190.965)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	52.004.220.349	1.174.609.733	60.570.935.631	348.679.145	114.098.444.858
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	42.647.488.921	816.099.495	48.474.793.419	120.609.843	92.058.991.678

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.155.004.113 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 771.198.674 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

**Phần mềm
VND**

Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.121.382.459
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.121.382.459</u>

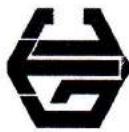
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(1.054.309.303)
Khấu hao trong năm	(38.045.381)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>(1.092.354.684)</u>

Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	67.073.156
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>29.027.775</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.026.382.459 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 76.378.959 Đồng).

8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	5.640.802.493	6.425.448.545
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương	2.320.230.000	1.300.976.695
- Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	778.105.900	1.116.665.000
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải KTC	615.445.810	-
- Các nhà cung cấp khác	1.927.020.783	4.007.806.850
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	3.692.753.784	6.541.529.291
	<u>9.333.556.277</u>	<u>12.966.977.836</u>



9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ phải nộp VND	Số thực thu/ thực nộp VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải thu Thuế GTGT đầu vào		7.759.792.534			(7.759.792.534)
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	1.923.658.221	16.275.518.188	(9.776.190.291)		663.193.584
Thuế TNDN (Thuỷết minh 21)	-	1.631.728.948	(1.375.961.931)		255.767.017
Thuế thu nhập cá nhân	215.261.097	696.778.980	(721.240.893)		190.798.284
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)		-
	2.138.919.318	18.607.025.216	(11.876.393.115)		(7.759.792.534)
					1.109.758.885

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	2021 VND	2020 VND
Lương và thưởng nhân viên	<u>6.421.573.589</u>	<u>14.377.130.818</u>

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay (Thuyết minh 24(b))	-	501.624.245
Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 24(b))	534.256.500	1.258.609.000
Chi phí sửa chữa	-	2.711.705.000
Khác	<u>166.408.000</u>	<u>493.306.453</u>
	<u>700.664.500</u>	<u>4.965.244.698</u>

12 VAY

Biến động của các khoản vay trong năm như sau:

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Thanh toán VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b)) (*)	<u>5.540.740.740</u>	<u>(5.540.740.740)</u>	-

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Thanh toán VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b)) (*)	<u>9.696.296.298</u>	<u>(9.696.296.298)</u>	-

(*) Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Container Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 270618/HTV đk ngày 27 tháng 6 năm 2018 với thời hạn vay là 60 tháng và lãi suất từ 7,0 – 7,1%/năm.

13 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.848.405.000	1.473.080.000
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 15)	2.500.000.000	2.500.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(3.152.731.000)</u>	<u>(2.124.675.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>1.195.674.000</u>	<u>1.848.405.000</u>

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2021	2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,40	8.040.000	66,40
Cổ đông khác	4.080.000	33,60	4.080.000	33,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.



15. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.528.417.488	42.528.417.488
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	28.046.624.475	(28.046.624.475)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	121.200.000.000	66.441.746.877	42.528.417.488	230.170.164.365
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	24.474.605.015	24.474.605.015
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	25.484.417.488	(25.484.417.488)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13) (*)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(20.604.000.000)	(20.604.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	121.200.000.000	91.926.164.365	18.414.605.015	231.540.769.380

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-DHĐCĐ đài ngày 17 tháng 4 năm 2021, Công ty phân phối 14.544.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trả cổ tức cho các cổ đông, đồng thời trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 2.500.000.000 Đồng (Thuyết minh 13) và số LNST còn lại là 25.484.417.488 Đồng được trích vào quỹ đầu tư, phát triển.

Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2021/NQ-HĐQT đài ngày 18 tháng 8 năm 2021, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền cho cổ đông là 6.060.000.000 Đồng (tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phiếu tương đương 500 Đồng trên một cổ phiếu).

16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thường phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2021	2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	24.474.605.015	42.528.417.488
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.500.000.000)	
	<u>24.474.605.015</u>	<u>40.028.417.488</u>
 Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	 12.120.000	 12.120.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.019	3.303
	<u>2.019</u>	<u>3.303</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm và tính đến ngày báo cáo tài chính. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

17 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container	139.050.786.601	165.944.056.756
Dịch vụ sửa chữa container	18.577.290.261	15.498.607.220
Dịch vụ khác	5.030.154.383	7.626.247.247
	<u>162.658.231.245</u>	<u>189.068.911.223</u>

18 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	<u>108.236.820.839</u>	<u>110.872.724.904</u>

19 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí hoa hồng - bên liên quan (Thuyết minh 24(a))	17.825.976.500	14.461.147.925
Chi phí hoa hồng - bên thứ ba	6.528.186.000	7.481.077.250
Khác	711.697.028	1.565.654.126
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	25.065.859.528	23.507.879.301
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	3.046.466.587	7.059.999.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	405.061.795	457.962.526
Chi phí khác	383.809.615	614.493.869
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	3.835.337.997	8.132.455.522
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

21 THUẾ TNDN

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế Đèn Lồng VĨ - Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (từ năm 2017 đến năm 2031).

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.106.333.963	42.528.417.488
Thuế tính ở thuế suất 10%	2.610.633.396	4.252.841.749
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	652.818.600	574.032.100
- Thuế được miễn hoặc giảm	(1.631.723.048)	(4.826.873.849)
Chi phí thuế TNDN (*)	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành (Thuyết minh 9)	1.631.728.948	-
Thuế TNDN - hoàn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

22 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	33.655.929.171	33.151.974.078
Chi phí nhân viên	28.746.502.475	28.415.765.702
Chi phí khấu hao	22.350.198.561	29.572.815.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.254.539.014	27.491.675.699
Chi phí hoa hồng	24.354.162.500	21.942.225.175
Chi phí khác	1.776.686.643	1.938.603.565
	<hr/> <hr/> 137.138.018.364	<hr/> <hr/> 142.513.059.727

23 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 5 tỷ Đồng và 1,9 tỷ Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ (3%) cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp (2%). Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

24 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau được thực hiện với các bên liên quan:

		2021 VND	2020 VND
<i>i)</i>	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2.077.449.640	405.099.699
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	54.673.848.212	64.770.205.919
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	1.385.462.572	12.419.874.673
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.694.823.274	4.908.945.007
	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	1.812.005	24.078.130.000
		<u>60.833.395.703</u>	<u>106.582.255.298</u>
<i>ii)</i>	<i>Mua hàng hóa</i>		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	<u>14.378.548.981</u>	<u>12.187.235.078</u>
<i>iii)</i>	<i>Mua dịch vụ</i>		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.116.000.000	
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	295.048.000	9.414.100.364
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.558.267.000	1.163.527.500
	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	5.460.000	48.053.948
		<u>4.974.775.000</u>	<u>10.625.681.812</u>
<i>iv)</i>	<i>Thu từ thanh lý TSCĐ</i>		
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	12.400.000.000
	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	6.600.000.000
		<u>-</u>	<u>19.000.000.000</u>
<i>v)</i>	<i>Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 19)</i>		
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	<u>17.825.976.500</u>	<u>14.461.147.925</u>
<i>vi)</i>	<i>Hoạt động tài chính</i>		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	161.599.321	3.541.473.216
	- Chi phí lãi vay	663.223.566	4.112.412.520
	- Tiền lãi vay đã trả	15.237.037.038	49.540.740.740
		<u>15.237.037.038</u>	<u>49.540.740.740</u>

		2021 VND	2020 VND
vii)	Chi trả cỗ tước Công ty Cổ phần Container Việt Nam	13.668.000.000 <hr/>	8.040.000.000 <hr/>
viii)	Các khoản thu hộ, trả hộ bên liên quan Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.241.500.000 <hr/>	1.065.000.000 <hr/>
ix)	Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt Lương và các quyền lợi gộp khác	1.480.300.063 <hr/>	1.109.625.000 <hr/>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

		2021 VND	2020 VND
i)	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	2.280.480.590	3.836.809.033
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	198.843.518	2.504.471.727
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	52.124.516	102.312.100
	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	4.422.453.750
		<hr/>	<hr/>
		2.531.448.624	10.866.046.610
		<hr/>	<hr/>
ii)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 8) Công ty Cổ phần Container Việt Nam	3.692.753.784	6.541.529.291
		<hr/>	<hr/>
iii)	Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 11) Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	501.624.245
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	534.256.500	1.258.609.000
		<hr/>	<hr/>
		534.256.500	1.760.233.245
		<hr/>	<hr/>
iv)	Vay ngắn hạn (Thuyết minh 12(a)) Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	5.540.740.740
		<hr/>	<hr/>
v)	Vay dài hạn (Thuyết minh 12(b)) Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	9.696.296.298
		<hr/>	<hr/>

25 ÁNH HƯỞNG CỦA COVID-19

Sự tái bùng phát và lan rộng của Covid-19 từ đầu năm 2021 là một tình huống khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Ban Giám đốc của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động của tình huống này đối với hoạt động của Công ty, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và cho rằng ảnh hưởng của Covid-19 là không trọng yếu đối với hoạt động và báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai gần. Ban Giám đốc của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập

Đồng Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

* Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ: www.greenicd.com.vn.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC



Đồng Trung Hải